

Số: 178 / QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015 đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 799/TTr-STNMT ngày 23 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018 (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *TM*

Nơi nhận: *TM*

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Cục kiểm soát HĐKS Miền Trung;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, NL, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TM
Kpã Thuyên

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2018, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

- Nhằm đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường đúng theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.
- Phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước. Hoạt động khai thác khoáng sản phải đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, không lãng phí, thất thoát tài nguyên.

2. Yêu cầu:

- Các khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản giai đoạn 2010 - 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt (ngoài khu vực đã được UBND tỉnh khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010).

- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, liên tục, bình đẳng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá và quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

II. Nội dung:

1. Tổng số khu vực mở đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2018: 10 khu vực mỏ (09 khu vực mỏ chưa có kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng và 01 khu vực mỏ đã có kết quả thăm dò khoáng sản), gồm:

- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 01 mỏ;
- Cát xây dựng: 05 mỏ;

- Đất san lấp: 02 mỏ.
- Đất sét làm gạch: 02 mỏ.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2018.

Nếu trong năm 2018 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hết các khu vực mỏ đã phê duyệt trong Kế hoạch này, thì các điểm mỏ còn lại sẽ chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2019.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Điều 10, Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

III. Nhiệm vụ:

- Thông báo công khai danh mục các khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá theo kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

- Điều tra, khảo sát đánh giá sơ bộ các thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, điều kiện khai thác, hiện trạng cơ sở hạ tầng khu vực, các tài liệu liên quan để làm cơ sở lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Xác định giá khởi điểm phiên đấu giá, bước giá, tiền đặt trước cho các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Đề nghị Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp của Nhà nước để tổ chức thực hiện việc đấu giá theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Công bố công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá theo Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2018; các thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản, các tài liệu đã điều tra, đánh giá về khoáng sản, điều kiện khai thác, cơ sở hạ tầng khu vực đấu giá quyền khai thác

khoáng sản; thông tin về phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan, trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Tổ chức việc xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình UBND tỉnh hoặc Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phê duyệt theo đúng thẩm quyền quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

- Lập, thông báo và bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; phối hợp với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thực hiện nhiệm vụ là thường trực Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Trong trường hợp đấu giá thông qua Hội đồng đấu giá: Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan xác định và thẩm định giá khởi điểm, bước giá để đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan công khai quy trình và giám sát việc thực hiện phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp đấu giá thông qua Hội đồng đấu giá).

4. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm:

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố (nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá) có trách nhiệm: tham gia Hội đồng đấu giá (trong trường hợp đấu giá thông qua Hội đồng đấu giá); phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản chuẩn bị đầy đủ điều kiện, đảm bảo cho việc đấu giá quyền khai thác

khoáng sản theo đúng quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ và Kế hoạch này.

6. Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm:

- Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá là Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của nội quy phiên đấu giá được quy định tại Điều 20 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Điều 11 của Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm nộp đầy đủ và đúng thời hạn tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 14 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpã Thuyên



PHỤ LỤC: DANH MỤC KHU VỰC MỎ ĐẦU GIẢ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2018
Kiểm theo Kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

A	Khu vực mỏ chưa có-kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng	Tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ^o 30', múi chiếu 3 ^o		Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo/Trữ lượng được phê duyệt (m ³)	Số Quyết định quy hoạch
		X(m)	Y(m)			
I	Huyện Chư Sê					
01	Đá xây dựng					
1.1	Khu vực mỏ số: 01 - xã HBông, huyện Chư Sê.	1505.240 1505.296 1505.329 1505.240	0466.720 0466.720 0466.960 0466.960	1,74	174.000	Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009
02	Đất san lấp					
2.1	Khu vực mỏ số : 02 - xã HBông, huyện Chư Sê.	1508.896 1508.927 1508.803 1508.739	0461.560 0461.403 0461.425 0461.589	2,14	100.000	Quyết định số 568/QĐ- UBND ngày 06/8/2015
II	Huyện Kbang					
01	Cát xây dựng					
1.1	Khu vực mỏ số: 03 - thị trấn Kbang, huyện Kbang. (chiều dài khu vực mỏ khoảng 900m)	1563.813 1563.600	0509.204 0509.950	7,0	70.000	Quyết định số 914/QĐ- UBND ngày 27/10/2010
III	Thị xã An Khê					
01	Sét làm gạch					

Số TT	Loại khoáng sản/ Vị trí khu vực	Tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰		Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo/Trữ lượng được phê duyệt (m ³)	Số Quyết định quy hoạch
		X(m)	Y(m)			
1.1	Khu vực mỏ số: 04 - xã Song An, thị xã An Khê.	1544.185 1544.165 1544.078 1544.102	0522.627 0522.744 0522.743 0522.620	1,03	50.000	Quyết định số 58/QĐ- UBND ngày 28/10/2009
1.2	Khu vực mỏ số: 05 - Phường An Bình, thị xã An Khê.	1542.589 1542.589 1542.299 1542.299	0514.354 0514.494 0514.494 0514.354	4,06	120.000	Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009
IV	Huyện Mang Yang					
01	Cát xây dựng					
1.1	Khu vực mỏ số: 06 - xã Lơ Pang và xã Đak Djrăng, huyện Mang Yang. (chiều dài khu vực mỏ khoảng 900m)	1542.258 1542.597	0470.338 0471.099	2,8	44.000	Quyết định số 468/QĐ- UBND ngày 06/8/2015
V	Huyện Kông Chro					
01	Cát xây dựng					
1.1	Khu vực mỏ số: 07 - xã Kông Yang huyện Kông Chro và xã Yang Bắc, huyện Đak Pơ (chiều dài khu vực mỏ khoảng 900m).	1535.938 1535.809 1535.775 1535.800 1535.846 1535.780 1535.710 1535.657	0500.544 0500.792 0500.924 0501.112 0501.294 0501.329 0501.149 0500.920	8,25	82.500	Quyết định số 568/QĐ- UBND ngày 08/10/2013



Loại khoáng sản/ Vị trí khu vực	Tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰		Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo/Trữ lượng được phê duyệt (m ³)	Số Quyết định quy hoạch
	X(m)	Y(m)			
01 Cát xây dựng	1535.703	0500.765	4,5	45.000	Quyết định số 568/QĐ- UBND ngày 08/10/2013
	1478.095	0497.252			
	1478.147	0497.281			
	1478.075	0497.439			
	1478.039	0497.714			
	1477.898	0497.960			
02 Đất san lấp	1477.877	0497.950	1,37	137.000	Quyết định số 468/QĐ- UBND ngày 06/8/2015
	1477.979	0497.672			
	1477.971	0497.538			
	1478.049	0497.345			
	1480.323	0489.379			
2.1 Khu vực mỏ số: 09 - xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa.	1480.285	0489.411	Khu vực I	Khu vực II	
	1480.256	0489.400			
	1480.223	0489.445			
	1480.240	0489.462			
	1480.227	0489.510			
	1480.170	0489.493			
	1480.229	0489.286			

Số TT	Loại khoáng sản/ Vị trí khu vực	Tọa độ theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰		Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo/Trữ lượng được phê duyệt (m ³)	Số Quyết định quy hoạch
		X(m)	Y(m)			
B	Khu vực mỏ đã có kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng					
I	Huyện Chư Sê					
01	Cát xây dựng					
1.1	Khu vực mỏ số: 11 - xã Ayun, huyện Chư Sê. (chiều dài khu vực mỏ khoảng 1.200m)	1514.341 1514.349 1514.203 1514.112 1514.106 1514.025 1513.924 1513.793 1513.643 1513.540 1513.565 1513.720 1513.868 1513.918 1514.024 1514.089 1514.077 1514.195	0464.457 0464.480 0464.540 0464.615 0464.724 0464.879 0464.968 0464.971 0465.014 0464.964 0464.883 0464.897 0464.950 0464.944 0464.835 0464.717 0464.630 0464.515	1,28	128.000	Quyết định số 568/QĐ- UBND ngày 08/10/2013

AW